

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH N**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2021/ HSST
Ngày 13/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH N

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn M

Bà Hoàng Thị Kim P

-Thư ký phiên toà: Ông Bùi Đức T, Thư ký Toà án nhân dân thành phố N - tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh N tham gia phiên toà: Ông Mai Việt H, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 133/2021/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2021/QĐXXST-HS ngày 01/12/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình T - sinh năm: 1986. Tại N. Tên gọi khác: Không. Nơi ở và nơi ĐKNKTT: Số 24, ngõ 241, đường H, phố T, phường N, thành phố N, tỉnh N. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp : Lao động tự do. Con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H. Vợ, con: chưa có.

Tiền án: không

Tiền sự: Ngày 07/5/2021 Công an phường Ninh Phong, thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi “trộm cắp tài sản”. Đã nộp phạt ngày 14/5/2021.

Về nhân thân:

+ Ngày 19/01/2011, Công an phường Nam Thành, thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 500.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”. Bản thân T chưa chấp hành (đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

+ Ngày 12/03/2012 Công an phường Bích Đào, thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “trộm cắp tài sản” Bản thân T chưa chấp hành (đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

+ Ngày 16/12/2011 Công an phường Nam Bình, thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 500.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”. Đã nộp phạt ngày 19/12/2011.

+ Ngày 03/1/2012 Ủy ban thành phố N áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng. Đã chấp hành xong ngày 12/03/2014.

+ Ngày 31/7/2015 Công an phường Tân Thành, thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Đã nộp phạt ngày 25/8/2015.

+ Ngày 21/9/2015 Công an phường Nam Thành, thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 500.000 về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”. Đã nộp phạt ngày 21/9/2015.

+ Tại bản án số 149/2017/HSST ngày 30/11/2017, Tòa án thành phố N xử phạt 24 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/04/2019. Đến ngày 26/02/2018 thì hành xong tiền án phí.

+ Ngày 01/4/2020 Ủy ban phường Nam Thành, thành phố N ra Quyết định về áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, quản lý tại gia đình thời hạn 06 tháng. Đã chấp hành xong ngày 01/7/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/9/2021 cho đến nay. Có mặt.

Bị hại: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: số nhà 94, ngõ 119, đường T, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Cháu Nguyễn Anh T, sinh năm 2008.

Người đại diện hợp pháp của cháu Tuấn: chị Lê Thị X.

- Anh Tạ Nhật C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình T là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định và có nhân thân xấu. Khoảng 01 giờ ngày 10/7/2021 T đi xe đạp từ nhà rồi đi quanh các tuyến đường trên địa bàn thành phố N, bị cáo khai để tìm bắt quả sấu. Khi đi đến nhà chị Đinh Thị N sinh năm 1974 trú tại số nhà 94, ngõ 119, đường T, thuộc phố P, phường P, thành phố N, T nghe thấy tiếng chó sủa bên trong nhà nên đã nảy sinh ý định bắt trộm chó về nhà nuôi. T điều khiển xe đạp đi lên vỉa hè trước cửa cổng số nhà 94 và dựng xe, T phát hiện thấy bên trong hiên nhà số 94 phía bên phải có đề 01 chiếc lồng bằng Inox bên trong có 01 con chó cái giống chó Pug mặt xệ, lông màu trắng ngà. T ngồi xuống đưa tay phải qua khe hở của cổng sắt định mở chiếc lồng Inox

nhưng không với tay tới chiếc lồng nên T đi sang bên phải nhà chị Nguyễn trèo qua Tờng rào vào trong hiên nhà. Khi vào được bên trong, thấy chiếc lồng Inox có khóa nhưng chìa vẫn để ở ổ khóa, T dùng tay tháo khóa và mở cửa lồng cho con chó chạy ra. T ôm con chó bằng tay trái và định dùng tay phải vịn Tờng trèo ra nhưng không trèo được. Sau đó T bỏ con chó vào phía trong áo và sơ vịn lại rồi dùng hai tay bám vào tường trèo ra ngoài. Sau khi đã bắt trộm được con chó Pug nhà chị N. T tay phải điều khiển xe đạp, tay trái T ôm con chó và đi về nhà mình nhốt con chó Pug vừa trộm cắp được vào trong phòng để trống của nhà T và đi ngủ. Sau khi phát hiện bị kẻ gian trộm cắp con chó Pug, chị Đinh Thị N đã đến cơ quan công an trình báo sự việc. Sau khi nhận được tin báo cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố N đã tiến hành rà soát, xác minh. Do nghi ngờ Nguyễn Đình T liên quan đến vụ trộm cắp nên đã tiến hành triệu tập T để làm việc. Tại cơ quan điều tra T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và khai nhận đang cất giấu con chó Pug trộm cắp được của nhà chị Nguyễn tại gian phòng để trống của nhà T. Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà của T 01 con chó cái giống chó Pug mặt xệ, lông màu trắng ngà, mặt đen, không có đuôi.

Tiến hành cân xác định trọng lượng 01 con chó lông màu trắng ngà, mặt đen, không có đuôi Nguyễn Đình T trộm cắp có trọng lượng là 8kg.

Tại Kết luận định giá tài sản số 54 ngày 10/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố N kết luận: 01 con chó màu trắng ngà, giống cái (chó Pug mặt xệ) có trọng lượng 8kg trị giá là 4.000.000 đồng

Quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Đình T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ nội dung hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 126/CT-VKS ngày 24/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời gian luật định.

Tại phiên tòa bị cáo cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, không tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo đã có bản kiểm điểm, đã được lấy lời khai, hỏi cung. Bị cáo đã được đọc và công nhận đúng lời khai của mình. Bản thân bị cáo xác định không bị ép cung, ngược đãi hành hạ, đánh đập và không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố N, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. *Về tội danh và hình phạt:*

Vào khoảng 01 giờ 15 phút ngày 10/7/2021, Nguyễn Đình T điều khiển xe đạp đi quanh trên các tuyến đường của thành phố N, tỉnh N. Khi đến nhà chị Đinh Thị N ở số nhà 94, ngõ 119, đường T, phố P, phường P, thành phố N, nghe thấy tiếng chó sủa nên bị cáo đã nảy sinh việc chiếm đoạt con chó. Bị cáo đã lén lút trèo qua Tờng vào trong hiên nhà chị Nguyễn bắt 01 con chó giống chó Pug của chị Nguyễn đang nhốt trong lồng bằng Inox để dưới hiên nhà và mang về nhà mình cất giấu. Con chó có trọng lượng là 8 kg trị giá 4.000.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản sao trích dữ liệu camera, hình ảnh camera, kết luận giám định, biên bản xác định hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được luật Hình sự bảo vệ. Bị cáo là người có tiền sự: Ngày 07/5/2021 Công an phường Ninh Phong, thành phố N xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi “trộm cắp tài sản”. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân rất xấu: Ngày 19/01/2011, Công an phường Nam Thành, thành phố N ra xử phạt vi phạm hành chính 500.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”; ngày 12/03/2012 Công an phường Bích Đào, thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “trộm cắp tài sản”; ngày 16/12/2011 Công an phường Nam Bình, thành phố N ra xử phạt vi phạm hành chính 500.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”; ngày 03/1/2012 Ủy ban thành phố N ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng; ngày 31/7/2015 Công an phường Tân Thành, thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; ngày 21/9/2015 Công an phường Nam Thành, thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 500.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”; tại bản án số 149/2017/HSST ngày 30/11/2017, Tòa án thành phố N xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; ngày 01/4/2020 Ủy ban phường Nam Thành, thành phố N ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, quản lý tại gia đình thời hạn 06 tháng. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu

dưỡng bản thân. Do vậy với hành vi phạm tội lần này của bị cáo cần phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo giáo dục thành công dân có ích cho xã hội đồng thời cũng nhằm để răn đe phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có; về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo chưa bị tạm giam, tạm giữ, hiện đang tại ngoại nên thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

[3]. *Về vật chứng và trách nhiệm dân sự*: Con chó mà bị cáo chiếm đoạt đã được cơ quan điều tra Công an thành phố N thu hồi và trả lại cho người bị hại là chị Đinh Thị Nguyên. Đến nay chị Nguyên không có ý kiến đề nghị gì nữa nên về vật chứng và trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[4]. Các vấn đề khác: Đối với chiếc xe đạp dạng địa hình mà bị cáo Nguyễn Đình T sử dụng làm phương tiện chở con chó Pug trộm cắp được của nhà chị Đinh Thị Nguyên: đây là chiếc xe của cháu Nguyễn Anh Tuấn, sinh năm 2008 (cháu ruột của bị cáo). Do nhà bị cáo T và nhà của cháu Tuấn liền sát nhau và chung sân, cháu Tuấn thường để xe đạp ở ngoài sân nên bị cáo T thường xuyên mượn xe để đi. Việc bị cáo T sử dụng chiếc xe đạp nói trên để đi trộm cắp tài sản, cháu Tuấn không biết. Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ chiếc xe đạp trên. Do vậy cháu Nguyễn Anh Tuấn không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N
- VKSND thành phố N
- Công an thành phố N
- Chi cục THA. DS thành phố N
- Thi hành án HS
- Bị cáo
- Người bị hại.
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích T

